

BẢN SẮC VIỆT CỦA CÔNG GIÁO VIỆT NAM

Tóm tắt: Công giáo được truyền vào Việt Nam gần 5 thế kỷ. Sự kiện này lại gắn liền với sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân. Hơn nữa, Công giáo buổi đầu cũng xa lạ với văn hóa dân tộc và người Việt Nam nên bị chống đối. Nhưng với sự tác động của văn hóa Việt và sự sáng tạo của người Việt, tôn giáo này trở thành gần gũi, mang đậm bản sắc văn hóa Việt. Từ ngôn ngữ, âm nhạc, hội họa, kiến trúc, văn học cho đến Phụng vụ, nghi lễ của Công giáo bây giờ đều mang bản sắc Việt. Đây cũng là đóng góp của Công giáo với văn hóa Việt Nam.

Từ khóa: Công giáo; văn hóa; Việt Nam.

Công giáo là một tôn giáo có tính toàn cầu. Hiện tôn giáo này có mặt ở khắp nơi trên thế giới. Nhưng dù ở châu lục nào thậm chí xuất hiện ở những nước Islam giáo, Ấn giáo, Phật giáo hay Chính Thống giáo người ta cũng dễ nhận ra chúng giống nhau từ hệ thống tổ chức, nghi lễ thờ tự, kinh sách, kiến trúc nhà thờ, tranh tượng và tông phục Giáo hoàng Rôma. Tuy nhiên, Công giáo ở Việt Nam dù có những điểm chung đó, vẫn có những nét riêng không lẫn vào đâu được. Đó là bản sắc văn hóa Việt in đậm trong tôn giáo này. Bản sắc đó do chính người Việt xây dựng nên.

Trước tiên, ngôn ngữ dùng trong Phụng tự được Việt hóa. Khởi đầu, Phụng tự chỉ có một ngôn ngữ duy nhất, đó là tiếng Latinh. Vì vậy mới có câu: *Các thầy đọc tiếng Latinh; Các cô con gái thua kinh điệu dàng*. Nhưng ngay từ rất sớm, người Việt đã Việt hóa các danh từ riêng từ phương Tây vào cho dễ đọc, dễ hiểu như gọi đạo *Deus* là đạo Đức Chúa Trời; *Dominico* đọc là Đa Minh; *Benedicto* đọc là Biển Đức; *Vincente* đọc là Vinh Sơn, v.v... Một số người Việt buổi đầu đã

* Trung tâm Khoa học Tư duy (CTS), Ủy ban ĐKCGVN Thành phố Hà Nội.
Ngày nhận bài: 8/4/2019; Ngày biên tập: 16/4/2019; Duyệt đăng: 26/4/2019.

soạn Kinh Thánh ra văn vần để dễ truyền tải đạo Chúa. Alexandre de Rhodes đã ghi lại: “Người nổi bật nhất và cũng là người thứ nhất trong đám người chịu phép Rửa tội và nhận đức tin chính là chị của Chúa. Bà rất thông thạo chữ Hán và rất giỏi thơ, chúng tôi gọi bà là Catarina, v.v... Còn con gái bà, công nương Catarina, rất ham hiểu biết và suy ngẫm các màu nhiệm của đạo và vì công nương đó rất giỏi về thi ca bản xứ nên đã soạn bằng thơ rất hay tất cả lịch sử giáo lý từ tạo thiên lập địa cho đến Đức Kitô giáng thế, cuộc đời, sự thương khó, phục sinh và lên trời của Người”¹.

Tiếc rằng 3.000 câu thơ “bằng tiếng bản xứ với cung giọng du dương” này đã bị thất lạc hết. Chỉ còn những bản “Sấm truyền ca”, “Tao đoạn kinh”... với 8.000 câu văn vần của linh mục Lữ Y Đoan (1613-1678), người Quảng Ngãi, là còn đến ngày nay. Thơ của ông viết bằng chữ Nôm nhưng chuyển thể khá nhuần nhuyễn theo văn hóa Việt về nhân sinh quan và thế giới quan:

“Loài người từ thừa A-đam
 Đua nhau xây dựng, nầy ham làm trời
 Một pho Kinh thánh ra đời
 Thiên niên vạn đại những lời do Thiên...
 Cơ trời sinh hóa, hóa sinh
 Ngũ hành thiên địa, tiến trình ngàn năm”

Người Việt lúc đầu khi gia nhập Công giáo thường mang một tên Thánh bên Tây như Maria, Anna, Anre, Dominico, v.v... đến nỗi một giáo dân ở Phú Yên bây giờ được phong Á Thánh cũng không biết tên thật, nên gọi là *Chân phước Anrê Phú Yên*, thì về sau, chính các thừa sai ngoại quốc phải đổi thành tên Việt như Alexadre de Rhodes gọi là *Đắc Lộ*, Giám mục Pigneau de Behain gọi là *Bá Đa Lộc*, Linh mục Leopold Cadière gọi là *Cố Cả*... để dễ hòa nhập với người Việt.

Để truyền giáo được thuận tiện, một số giáo sĩ nước ngoài đã cộng tác với một số người Việt Nam để Latinh hóa tiếng Việt thành chữ quốc ngữ, và những nhân sĩ yêu nước như nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục đã nhận ra giá trị của chữ quốc ngữ là một trong những kế sách

làm mở mang dân trí: “Gần đây, mục sư người Bồ Đào Nha chế ra chữ quốc ngữ, lấy 20 chữ cái châu Âu phối hợp với 6 âm, 11 vần đánh vần theo lối hòa thanh mà đặt ra tiếng ta rất là giản dị, nhanh chóng. Phàm người trong nước, đi học nên lấy chữ quốc ngữ để ghi việc đời xưa, chép việc đời nay và thư từ thì có thể chuốt lời và đạt ý. Đó thật là bước đầu việc mở mang trí khôn vậy”².

Đây cũng là lý do trả lời câu hỏi vì sao các giáo sĩ ở Nhật Bản, Triều Tiên, Trung Quốc đều có chủ trương Latinh hóa tiếng bản xứ nhưng không thành công như ở Việt Nam.

Bản sắc Việt trong Công giáo ở Việt Nam thể hiện trong phụng vụ, nghi lễ. Phụng vụ (Litugie) là những hoạt động của Giáo hội bao gồm thánh lễ, cầu nguyện, ca hát, lễ xướng và các loại hình nghệ thuật Công giáo. Lĩnh vực đầu tiên được chú ý là *sách đạo*. Công giáo không chỉ sớm dịch Kinh Thánh ra tiếng Việt mà còn ra nhiều thứ tiếng dân tộc khác như Banar, Xtiêng, Mông, v.v... Cho đến hôm nay, Công giáo vẫn tiếp tục duy trì dạy tiếng, chữ cho người dân tộc thiểu số. Biết đọc, viết tiếng dân tộc là yêu cầu bắt buộc của các nữ tu, linh mục phục vụ các vùng dân thiểu số.

Trang phục theo truyền thống dân tộc cũng được các giáo sĩ Công giáo, kể cả ngoại quốc chấp nhận ngay từ buổi đầu. Người ta đã quen với hình ảnh các linh mục mặc áo the, khăn xếp như các ông đồ Nho thừa trước. Linh mục Martini có ghi sự kiện một linh mục bẻ trên đến dự lễ giỗ chúa Trịnh Tráng do chúa Trịnh Tạc tổ chức ngày 29/12/1650 như sau: “Cha Bê trên tôn trọng phong tục địa phương, giữ đúng nghi lễ Việt Nam, đi chân không, mặc áo thụng, đầu đội mũ lục lăng cũng màu đen như áo thụng, phục sát mặt đất theo kiểu Việt Nam, làm chúa Trịnh rất hài lòng, bèn truyền cho nhạc nổi lên như khi chúa Trịnh vừa bái lạy xong. Mọi người đều ngỡ cho rằng, cha vừa được ban một chức tước quan trọng”³.

Cuộc tranh cãi về nghi lễ phương Đông (nghi lễ Trung Hoa) trong Giáo hội Công giáo xảy ra trong một thời gian dài hơn một thế kỷ (XVII- XVIII) qua 10 đời giáo hoàng gây tổn thất nặng nề cho Giáo hội vì là một lý do dẫn đến chính sách cấm tôn giáo này ở Nhật Bản, Triều Tiên, Trung Quốc và Việt Nam. Nhưng ở Việt Nam, nhờ sự

thông thoáng của các giáo sĩ Dòng Tên, cộng với sự cộng tác của người Việt nên vấn đề thờ cúng tổ tiên được hóa giải từ rất sớm, trước Công đồng Vatican II (1962-1965) rất nhiều. A. Rhodes trong bài giáo lý đầu tiên đã xác định, bất cứ ai cũng có 3 cha phải thờ kính là: cha mẹ sinh ra thân xác, vua chúa trị nước và cha ở trên Trời. Thảo kính cha mẹ là điều phải đạo: “Vì chúng ta có cha mẹ thì mới được thân xác này sinh ra mà chớ... Ta chịu ơn cha mẹ vì có chịu thai mà ta ở trong lòng chín tháng mười ngày, chịu khổn khó mà đẻ ra ta đoạn, ba năm bú mớm. Có khi mẹ cắt của miệng mình mà cho con ăn, cũng có khi mẹ ăn miếng đắng mà miếng ngon để dành cho con. Lại có khi mẹ nằm chỗ ướt mà chỗ ráo để cho con nằm. Cha đẻ con đoạn thì nuôi nấng. Vì vậy, có khi thì cha thức sớm chẳng ngủ mà làm nghề nọ, nghề kia, chạy ngược, chạy xuôi kiếm của mà nuôi con. Thật con thảo kính cha mẹ thì thậm phải”⁴.

Vì vậy, Giám mục Bá Đa Lộc đến khi chết vẫn trôi lại là ủng hộ người Việt thờ cúng tổ tiên dù Giáo hội cấm đoán. Phải mãi đến *Thông cáo ngày 14/6/1965*, Giáo hội Công giáo ở Việt Nam mới chấp nhận việc thờ cúng tổ tiên và làm thành một nét độc đáo của người Công giáo Việt Nam là có nghi thức dâng hương trước di ảnh người quá cố.

Khi Công giáo vào Việt Nam, do điều kiện địa lý nên ở nước ta không có những sản vật để dâng lễ như lá ôliu trong ngày lễ Lá, họ đã dùng lá dừa thay thế. Ngày Tết, khi dựng cây nêu, họ đã kết hình Thánh giá trên cây nêu. Khi rước thi tổ chức như lễ hội làng. Cũng hội trác, hội trống, hội kèn nam. Các bà thì áo tứ thân, nón lá. Các ông diện khăn xếp, áo the. Còn kiệu thánh cũng sơn son thiếp vàng. Ngồi trong nhà thờ cũng phân ra “nam tả, nữ hữu” như quan niệm người phương Đông. Có khác là thêm đội kèn đồng và ca đoàn hát phối bè nhạc 5 dòng theo tân nhạc.

Công giáo làm cho văn hóa Việt Nam phong phú thêm về văn học, nghệ thuật. Đó là nền văn học nghệ thuật Công giáo nhưng mang bản sắc văn hóa Việt. Công giáo đã có cả kho thành ngữ, ca dao ghi lại lịch thời tiết, lịch sản xuất cho đến lịch lễ hội quanh năm. Ví dụ:

Lễ Ba Vua (6 tháng Giêng), chết cua, chết cá.

Lễ Rosa (7 tháng 10) thì tra hạt bí.
 Lễ Các Thánh (1 tháng 11) thì đánh bí ra.
 Lễ Các Thánh (1 tháng 11) gánh mạ đi gieo.
 Lễ Sinh nhật (25 tháng 12) giặt mạ đi cấy...
 Tháng Giêng ăn Tết ở nhà.
 Tháng Hai ngắm đưng, tháng Ba ra Mùa.
 Tháng Tư tập trồng, rước hoa,
 Kết đèn, làm Tạm, châu giờ tháng Năm.
 Tháng Sáu kiệu ảnh Lái Tim.
 Tháng Bảy chung tiền đi lễ Phú Nhai.
 Tháng Tám đọc ngắm Mân Côi.
 Trở về tháng Chín, xem nơi chông mồ.
 Tháng Mười mua giấy sao tua.
 Quay qua Một, Chạp sang mùa ăn Chay.

Về thành ngữ Công giáo, mỗi địa phương cũng có cả kho những câu khái quát chỉ đặc điểm của vùng. Ví dụ, Bùi chu có câu: *Cha Phú Nhai, khoai chợ Chùa*. Chợ Chùa (Nam Trực) trồng nhiều khoai lang rất ngon, còn làng Phú Nhai (Xuân Thủy) là đất có nhiều ơn gọi linh mục. Nơi đây có hơn 100 linh mục và 4 giám mục. Hà Nội có câu: *Quan làng Vụ, cụ làng Báng*. Quan chức thời nào Vụ Bản cũng lắm người xuất thân từ đây, còn linh mục ở xứ Xuân Báng cũng vậy. Phát Diệm lại truyền khẩu câu thành ngữ: *Kinh cụ Thề, lễ cụ Sâm, mâm cụ Sáu, cháu cụ Thịnh*. Đây là tên một số linh mục ở đây. Linh mục Thề kháo kinh hôn phối rất ngặt nghèo. Linh mục Sâm làm lễ rất lâu. Mâm đồng của cụ Sáu Trần Lục để đặt lễ thì to như cái nong và cháu chất Linh mục Thịnh nhiều lắm.

Buổi đầu, thánh nhạc phổ biến bằng tiếng Latinh. Đến những năm 20 của thế kỷ trước, Linh mục Vượng ở Nam Định, Linh mục Đoàn Quang Đạt (1877-1956) ở Huế bắt đầu dịch sang tiếng Việt và đến tháng 8/1945, nhạc đoàn Lê Bảo Tịnh ra đời với chủ trương: *Về nội dung, phụng sự Thiên Chúa và Tổ quốc, về nghệ thuật lấy dân ca ba miền làm*

cấu trúc âm thanh. Trong thánh nhạc đã vang lên các làn điệu dân ca từ quan họ Bắc Ninh, hát chèo Bắc Bộ đến các âm thanh bốc lửa ở Tây Nguyên. Nhiều bài hát đã có thể sánh với các nhạc phẩm thế giới như *Đêm đông* của Hải Linh, *Kinh Hòa bình* của Kim Long, v.v...

Về hội họa, lúc đầu Công giáo giới thiệu cho người Việt biết nhiều tác phẩm kinh điển của các danh họa thế giới như *Đức Mẹ đồng trinh* của Rafael, *Bữa tiệc ly* của L. Vinci ... Nhưng các họa sĩ Việt Nam trăn trở: vì sao người Việt Nam cũng mang hình ảnh của Chúa mà tranh đạo lại chỉ vẽ người phương Tây? Thế là những bức họa Công giáo mang hình ảnh con người, phong cảnh dân tộc đã ra đời. Có thể kể *Giáng sinh* của Nguyễn Gia Trí, *Madalena dưới chân Thập giá* của Lê Văn Đệ, *Đức Mẹ Việt Nam* của Nam Phong hay loạt ảnh về Đức Mẹ trên giấy lụa của họa sĩ Nguyễn Thị Tâm,... Nhìn tranh *Đức Mẹ Việt Nam*, dù không có bản đồ nước Việt dưới chân Đức Mẹ, người ta vẫn nhận ra một hoàng hậu Việt với trang phục truyền thống và cách ru con ngủ thì không lẫn vào đâu được.

Về kiến trúc cũng vậy. Buổi đầu truyền giáo chỉ có những kiến trúc nhà thờ theo lối Gotich với các tháp chuông nhọn cao vút hay tháp chuông vuông kiểu Roman thịnh hành ở phương Tây. Nhưng đến cuối thế kỷ XIX, ở Việt Nam đã xuất hiện những nhà thờ Nam theo kiến trúc phương Đông mà tiêu biểu là nhà thờ Phát Diệm không chỉ là vật liệu gỗ, đá quen thuộc mà tháp thoáng cả mái đình chùa, tam quan cổng làng nơi đây và tháp chuông cũng treo chuông Nam đánh bằng vỏ. Thời gian gần đây, nhiều nhà thờ theo phong cách dân tộc có ở nhiều nơi, như nhà thờ Lạng Sơn, kiến trúc nhà dài tám mái của người Tày, Nùng. Nhà thờ Pleichuet (Gia Lai) mái cao 35m như thể nhà rông của Banar... Nhiều nơi, nhà thờ được thiết kế theo triết lý Đông phương “thiên địa nhân nhất thể”. Cũng núi nhân tạo, hồ ao và họa tiết trang trí cũng đủ cả đào, cúc, trúc, mai; cũng câu đối, long cốt chữ Hán và số gian nhà thờ thường số lẻ 5, 7 hay 9. Còn trong các bản kinh hay đọc ở nhà thờ như Kinh cầu Đức Bà bằng chữ Hán, văn dâng hoa, văn Hang đá... ai cũng dễ nhận ra hồn cốt nước Việt ở đó.

Một thái độ thân thiện với các tôn giáo khác của Công giáo ngày nay cũng là nhờ tinh thần khoan dung của người Việt. Lúc mới du

nhập vào Việt Nam, vì tôn giáo này là tôn giáo nhất thần nên cũng không chấp nhận bất cứ tôn giáo nào khác. Tất cả đều bị coi là đạo dối, đạo lạc. Nhưng người Việt vốn dung hòa “bên cha cũng kính, bên mẹ cũng vái”, “có thờ có thiêng, có kiêng có lành” nên không có loại trừ cứng nhắc. Dù lúc đó, đạo cấm thờ cúng tổ tiên, một số tín đồ Công giáo vẫn giấu bàn thờ tiên tổ trong buồng kín. Họ vẫn lén lút lên chùa thắp hương ngày rằm, mừng một. Bà con dù lương hay giáo vẫn yêu thương đùm bọc lẫn nhau ngay cả những năm tháng chính quyền hà khắc với tôn giáo này, tôn giáo khác. Khái niệm làng “xôi đồ” đã nói lên lối sống chan hòa dù tôn giáo khác nhau. Một số hương ước như hương ước làng La Tính (Hoài Đức, Hà Nội) viết năm 1896 có đoạn: “Vi bản xã hai bên lương giáo tục lệ có khác nhau một phần, phải hội họp để bàn công việc hợp lý, hợp tình, chia giáp chia phiên, lập khoán ước mới quy định tục lệ các khoản, chia ruộng đất thờ thần, Phật, mọi người phải tuân theo. Tất cả các loại sưu thuế, đê điều, phu dịch, lương lính, lương dân và giáo dân đều coi là việc chung phải chấp hành. Hai bên chỉ phân biệt lương giáo mà thôi, còn người cùng làng có thể cùng dòng họ phải sống với nhau có lý, có tình”⁵.

Vì thế, người khác tôn giáo ở Việt Nam có thể kết hôn với nhau chứ không còn phải ao ước nữa. Vua Bảo Đại và cô gái người Công giáo Nguyễn Thị Lan đã thành hôn năm 1934, trước Công đồng Vatican II hơn ba chục năm với cam kết rất tuyệt vời: “Quý hò chàng có lòng thương / Amen mặc thiệp khói hương mặc chàng”. Sau Công đồng Vatican II, Công giáo đã coi các tôn giáo khác là bạn thì bầu khí chan hòa đó càng thêm ấm cúng.

Một đặc điểm quan trọng của Công giáo Việt Nam là đồng hành cùng dân tộc. Đặc điểm này được xây dựng bằng công sức, trí tuệ và bằng cả xương máu của hàng triệu người Việt Nam. Công giáo được truyền vào Việt Nam gắn liền với sự xâm chiếm thuộc địa của thực dân phương Tây. Cho nên Công giáo thường bị cáo buộc là đi với thực dân, chống lại dân tộc. Người Công giáo thường mặc cảm với định kiến này, nhưng có nhiều người đã hành động để chứng minh họ cũng là người yêu nước, bởi trước khi là người Công giáo, họ đã là người Việt Nam. Nguyễn Trường Tộ (1830-1871) là một người như thế. Ông

kiên trì gửi cho triều đình nhà Nguyễn tới 58 bản điều trần hiến kế làm cho dân giàu, nước mạnh đủ sức đánh thắng Pháp, dám đặt quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi tôn giáo. Ông là người đầu tiên đưa ra khái niệm “đồng hành”: “Giáo dân cũng do tạo vật sinh dưỡng và đạo giáo cũng do tạo vật bảo dưỡng huớng chi giáo dân cũng là một thành phần nhân dân trong nước. Trong số đó, nếu có kẻ bội nghịch chẳng qua là một phần nghìn, phần trăm mà thôi... Bất kỳ trong đạo giáo nào, hễ ai phản nghịch loạn thường là người đắc tội trong tôn giáo, cứ áp dụng hình phạt không tha để cho tôn giáo được trong sạch. Còn ai yên phận tuân theo pháp luật thì để cho họ tự nhiên, có hại gì đâu? Đồng hành mà không nghịch nhau là được”⁶.

Một số người Công giáo đã trực tiếp đứng lên khởi nghĩa đánh Pháp, như: Đội Vũ ở Nam Định năm 1884, Lãnh Phiên ở Quảng Bình. Một số gia nhập các phong trào yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Khâm sứ Trung Kỳ E. Groleau đã báo cáo lên Toàn quyền Đông Dương ngày 11/02/1911 như sau: “Những kẻ cầm đầu phong trào đã lôi cuốn vào hàng ngũ của họ nhiều linh mục, thầy giảng Công giáo vùng Nghệ Tĩnh... Như vậy, qua trung gian những người ấy, họ đã tạo được một ảnh hưởng chính trị rộng rãi trong quần chúng Công giáo tại vùng này. Qua các linh mục ấy, một chiến dịch tuyên truyền chống chúng ta đã được phổ biến khá hữu hiệu trong các giới Công giáo. Và họ đã góp những số tiền quyên giúp khá lớn vào việc gia tăng ngân sách cho phe Cường Đê”⁷.

Nhiều giáo dân, tu sĩ đã bị Pháp bắt giam. Có linh mục bị kết án đầy đi Côn Đảo, như: Đậu Quang Lĩnh, Nguyễn Thành Đồng, hoặc chết trong tù, như Linh mục Nguyễn Văn Tường.

Cách mạng tháng 8/1945 như ngọn lửa thổi bùng lên lòng yêu nước của người Công giáo bao năm âm ỷ cháy. Gần hai trăm chủng sinh Xuân Bích xuống đường tuần hành trong ngày 2/9/1945. Họa sĩ người Công giáo - Lê Văn Đệ thiết kế lễ đài để Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn và nhạc sĩ Đinh Ngọc Liên chỉ huy đội nhạc kèn cử bài *Tiến quân ca* cũng là người Công giáo. Khắp các xứ đạo hân hoan chào mừng Tổ quốc độc lập. Các giám mục người Việt lúc đó đã gửi điện văn cho Tòa Thánh, các nước Anh, Mỹ và giáo dân

toàn cầu xin ủng hộ chính phủ Việt Minh và độc lập của Việt Nam. Trong *Tuần lễ vàng* quyên góp ủng hộ Chính phủ mới, Giám mục Hồ Ngọc Cẩn của Bùi Chu đã tháo cả dây chuyền Giám mục ủng hộ. Nam Phương Hoàng hậu cũng đem hết tư trang ra ủng hộ chính quyền cách mạng. Nhiều người Công giáo đã tham gia vào các cơ quan của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với các chức vụ quan trọng, như: Giám mục Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn là Cố vấn Chính phủ, Linh mục Phạm Bá Trục là Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội khóa I, ông Ngô Tử Hạ là Bộ trưởng Cựu chiến binh, ông Nguyễn Mạnh Hà là Bộ trưởng Kinh tế, bác sĩ Vũ Đình Tụng là Bộ trưởng Y tế, v.v...

Cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp nổ ra, tiếp đó là cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người Công giáo đã sát cánh cùng đồng bào cả nước trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Có gia đình có 3 linh mục, 2 nữ tu đều theo kháng chiến, trong đó có linh mục Nguyễn Bá Luật đã được truy tặng danh hiệu liệt sĩ và Huân chương Độc lập hạng Nhì. Theo một số liệu thống kê, riêng tỉnh Hà Nam Ninh với 600 ngàn người Công giáo thì trong kháng chiến chống Pháp có 544 gia đình là cơ sở bí mật, 4.104 người tòng quân, 566 liệt sĩ, 355 thương binh. Sang thời chống Mỹ có 32.069 thanh niên nhập ngũ, 5.701 liệt sĩ, 2.306 thương binh. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới có 33.660 người gia nhập lực lượng vũ trang, 681 liệt sĩ, 389 thương binh. Rất nhiều người được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Chiến thắng 30/4/1975 đã đưa lòng tự hào dân tộc vào chính bản *Thư chung năm 1980* của các Giám mục Việt Nam. Chưa bao giờ trong văn kiện của Giáo hội lại có những lời kêu gọi hào sảng như thế này: “Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào đối với người Công giáo không những là tình cảm tự nhiên phải có mà còn là một đòi hỏi của Phúc Âm... Lòng yêu nước của chúng ta phải thiết thực, nghĩa là chúng ta phải ý thức những vấn đề hiện tại của quê hương, phải hiểu biết đường lối chính sách của Nhà nước và tích cực cùng đồng bào toàn quốc góp phần bảo vệ và xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, tự do và hạnh phúc”⁸.

Theo tinh thần của *Thư chung 1980*, bước vào công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, 7 triệu người Công giáo tiếp tục chung sức cùng đồng bào cả nước xây dựng đất nước bằng mọi khả năng của mình. Họ dấn thân vào các phong trào thi đua yêu nước “tốt đạo, đẹp đời”, đặc biệt là các hoạt động từ thiện bác ái. Xã hội đã ghi nhận những tấm gương quên mình của các nữ tu ở các trại phong cùi, trung tâm chăm sóc bệnh nhân HIV/AIDS, hay các lớp học tình thương, như: nữ tu Mai Thị Mậu (Di Linh, Lâm Đồng) được tuyên dương là anh hùng thời kỳ đổi mới. Hàng ngàn tỷ đồng đã được người Công giáo quên góp xây dựng quỹ khuyến học, vì biển đảo, xây dựng nông thôn mới... Nhiều người Công giáo cũng được trao các học hàm, danh hiệu cao, như: GS. NGND Lương Tấn Thành, GS. NGND Vũ Văn Chuyên, nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát, Lương Ngọc Trác, nhà văn Nguyễn Hồng, nhà thơ Bằng Bá Lân, Hồ Dzếnh, v.v...

Tóm lại, Công giáo du nhập vào Việt Nam góp phần làm phong phú văn hóa Việt Nam, với lòng yêu nước và tinh thần sáng tạo, người Công giáo Việt Nam đã xây dựng nên Công giáo Việt Nam mang đậm bản sắc văn hóa Việt. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 A. Rhodes (1994), *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài*, Tủ sách Đại kết, tr. 206.
- 2 *Văn tuyển văn học Việt Nam 1858-1930*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1989, tr. 180.
- 3 Martini (1966), *Historie nouvelle et cutiease de royandes de Tuquin et Lao*, Paris, p. 324.
- 4 A. Rhodes, *Phép giảng tám ngày*, Tủ sách Đại kết, 1998, tr. 18.
- 5 *Một số vấn đề văn hóa Công giáo từ khởi thủy đến đầu thế kỷ XX*, Kỷ yếu Tọa đàm khoa học ở Huế, tháng 10/2004, Lưu hành nội bộ, tr. 109.
- 6 Trương Bá Cần (1988), *Nguyễn Trường Tộ - con người và di thảo*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 118.
- 7 Phạm Huy Thông (2004), *Ảnh hưởng qua lại giữa Công giáo và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 180.
- 8 *Niên giám Công giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr. 244.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Rhodes, *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài*, Tủ sách Đại kết 1994.
2. A. Rhodes, *Phép giảng tám ngày*, Tủ sách Đại kết, 1998.
3. Trương Bá Cần (1988), *Nguyễn Trường Tộ - Con người và di thảo*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.

4. Martini (1966), *Histoire nouvelle et cutiease de royandes de Tuquin et Lao*, Paris.
5. *Một số vấn đề văn hóa Công giáo từ khởi thủy đến đầu thế kỷ XX*, Kỷ yếu Tòa đàm khoa học ở Huế, tháng 10/2004, Lưu hành nội bộ.
6. *Niên giám Công giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004.
7. Phạm Huy Thông (2004), *Ảnh hưởng qua lại giữa Công giáo và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. *Văn tuyển văn học Việt Nam 1858-1930*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1989.

Abstract

THE VIETNAMESE CULTURAL IDENTITY IN CATHOLICISM IN VIETNAM

Pham Huy Thong

Hanoi Committee for Solidarity of Vietnamese Catholics

Catholicism was introduced into Vietnam for nearly five centuries, but this work was closely related to the expansion of colonialism. Moreover, Catholicism was also unfamiliar with the national culture and the Vietnamese people at the beginning, so it was opposed. However, under the impact of Vietnamese culture and the creativity of the Vietnamese people, this religion has been modified to be close to the Vietnamese cultural identity. Its language, music, painting, architecture, literature and liturgy contain the Vietnamese cultural identity. It is also a contribution of Catholicism to the Vietnamese culture.

Keywords: Catholicism; culture; identity; Vietnam.